

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT.

Ngày 19 - 4 - 2023.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc.

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT - DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2023/QĐ - PT ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số I, đường X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ hiện nay: Số H, đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ trước đây: Số D, đường Cách mạng tháng tám, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ là: Luật sư Hồ Tấn D – Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Nhất T, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Nhất T là: Luật sư Tô Vĩnh H – Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Số E, đường M, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

1. Chị Tạ Thị Minh C, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, đường số A, khu nhà ở H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Hà Thị Y, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Lê Minh T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: Số B, đường N, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ và bị đơn ông Huỳnh Nhất T.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2021 của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Trường G trình bày:

Vào khoảng tháng 8/2018 ông Đ có cho ông Huỳnh Nhất T vay số tiền 5.350.000.000 đồng vốn, ông T hẹn sẽ trả lại số tiền này trong khoảng 01 năm. Mục đích vay là để làm ăn. Ông Đ cho ông T vay không tính lãi suất. Ông T là người nhận tiền trực tiếp của ông Đ 2.850.000.000 đồng, số tiền này ông Đ đưa ông T nhiều lần nên ông Đ cũng không nhớ địa điểm giao tiền, cũng không nhớ số tiền mỗi lần giao cụ thể là bao nhiêu. Số tiền còn lại 2.500.000.000 đồng ông T yêu cầu ông Đ chuyển cho bà Đỗ Thị M, ông Đ không biết bà M nhưng ông T yêu cầu thì ông Đ chuyển cho bà M theo yêu cầu của ông T, thực chất người vay số tiền 2.500.000.000 đồng này vẫn là ông T.

Đến ngày 20/3/2021 ông T có ký vào tờ biên nhận nợ giao cho ông Đ giữ. Theo tờ biên nhận ông T thừa nhận có nợ ông Đ số tiền 5.350.000.000 đồng và cam kết vào cuối tháng 4/2021 sẽ thanh toán đủ cho ông Đ, ông T có ghi dòng chữ “đã nhận đủ tiền” và ký tên vào biên nhận. Tuy nhiên, đến nay ông T vẫn chưa thanh toán cho ông Đ. Mặt khác, ông Đ đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn cố tình trốn tránh, không thanh toán theo cam kết. Ngày 05/10/2021 ông Đ có mời Văn phòng thừa phát lại Trần Kỳ T2 lập Vi bằng về cuộc điện thoại giữa ông Đ và ông T, tại cuộc điện thoại này ông T cũng thừa nhận có nợ ông Đ số tiền 5.350.000.000 đồng. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Nhất T phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền vốn vay 5.350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn ông Huỳnh Nhất T trình bày:* Ông T thừa nhận ông có ký tên vào tờ biên nhận ngày 20/3/2021 nhưng ông T không có vay tiền của ông Đ mà thực tế bà Đỗ Thị M mới là người vay số tiền 2.500.000.000 đồng vốn vào năm 2018 và tính lãi 4%/tháng đến ngày 20/3/2021 là 2.850.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 5.350.000.000 đồng, ông T chỉ ký tên vào tờ biên nhận để ông Đ chốt nợ với bà M theo yêu cầu của ông Đ.

Ông T và ông Đ là bạn bè làm ăn với nhau đã lâu còn bà M là bạn của ông T. Vì bà M đang gặp khó khăn nên ông T có giới thiệu cho bà M vay tiền của ông Đ, ông Đ cũng đồng ý cho bà M vay tiền với điều kiện ông T phải ký tên xác nhận có nợ ông Đ và ông T cũng đồng ý. Được sự đồng ý của ông T, ông Đ cho bà M vay số tiền 2.500.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng. Ông T không trực tiếp chứng kiến việc ông Đ đưa tiền cho bà M mà có nghe bà M kể lại là ông Đ chuyển khoản cho bà M thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (Gọi tắt là Ngân hàng A) – Chi nhánh tỉnh V. Tờ biên nhận nợ ngày 20/3/2021 mà ông Đ dùng để khởi kiện ông T thừa nhận ông có ký tên vào biên nhận nợ này nhưng ông không có nhận tiền của ông Đ mà chỉ chốt nợ dùm cho bà M để bà M quyết toán nợ với ông Đ. Sau khi ký biên nhận nợ với ông Đ, ông T sẽ yêu cầu bà M ký tên xác nhận nợ với ông T, ông T cũng còn giữ các biên nhận nợ giữa bà M với ông. Đến biên nhận cuối cùng ngày 20/3/2021 thì ông Đ lấy biên nhận này khởi kiện ông tại Tòa án yêu cầu ông trả ông Đ số tiền 5.350.000.000 đồng.

Thực chất tờ biên nhận nợ ngày 20/3/2021 không phải ký nhận tại nhà ông Đ ở Cần Thơ mà do ông Đ lập sẵn mang qua quán Nhà Xưa của ông T ở Vĩnh Long để yêu cầu ông T ký tên. Lúc ông T ký biên nhận này có sự chứng kiến của một nhân viên quán Nhà X tên Hà Thị Y và một người bạn của ông T là chị Tạ Thị Minh C nhưng họ chỉ thấy ông ký tên vào tờ biên nhận này mà không biết nội dung là gì.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vay 5.350.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Vì lý do ông T không có vay của ông Đ số tiền 5.350.000.000 đồng mà ông T chỉ giới thiệu cho bà M vay tiền ông Đ 2.500.000.000 đồng vốn với lãi suất 4%/tháng. Do bà M không trả vốn lãi cho ông Đ nên ông Đ yêu cầu ông T ký vào biên nhận 5.350.000.000 đồng là bao gồm cả vốn và lãi mà ông Đ cho bà M vay.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị M trình bày:* Bà M và ông T là bạn bè lâu năm của nhau, còn ông Đ là bạn của ông T. Thông qua việc giới thiệu của ông T, bà có vay của ông Đ số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng qua các lần như sau:

Lần 1: Ngày 16/7/2018 ông Đ chuyển khoản cho bà số tiền 1.000.000.000 đồng qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (Gọi tắt là Ngân hàng A) – Chi nhánh tỉnh V.

Lần 2: Ngày 23/7/2018 ông Đ chuyển khoản cho bà số tiền 1.000.000.000 đồng qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (Gọi tắt là Ngân hàng A) – Chi nhánh tỉnh V.

Lần 3: Ngày 12/9/2018 ông Đ chuyển khoản cho bà số tiền 500.000.000 đồng qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (Gọi tắt là Ngân hàng A) – Chi nhánh tỉnh V.

Mục đích bà vay để làm ăn, kinh doanh sản xuất. Thời hạn vay sáu tháng, lãi suất vay 4%/tháng. Bà có chuyển khoản trả lãi cho ông Đ từ ngày 12/9/2018 đến ngày 20/01/2019. Số tiền 565.000.000 đồng sau đó bà ngưng trả lãi do gặp khó khăn về tài chính. Khi trả lãi bà không có làm biên nhận với ông Đ mà chỉ nhắn tin cho ông Đ biết là bà đã trả lãi cho ông Đ rồi. Nhân viên của bà M là anh Lê Minh T1 và chị Lê Ngọc Y1 là người đi chuyển khoản số tiền lãi này vào tài khoản của ông Đ hàng tháng. Khi vay tiền bà M không làm biên nhận vay với ông Đ mà bà làm biên nhận vay với ông T vì ông Đ kêu ông T làm như vậy, bà cũng không biết tại sao ông Đ lại yêu cầu ông T ký tên biên nhận nợ thay cho bà, cũng không biết tại sao ông Đ cho bà vay tiền nhưng lại không cho bà làm biên nhận nợ với ông Đ.

Sau đó bà M biết tin ông Đ khởi kiện yêu cầu ông T trả cho ông Đ số tiền nợ vay là 5.350.000.000 đồng. Thực tế số tiền này ông T không có vay của ông Đ mà

bà chính là người vay nhưng bà M chỉ vay số tiền nợ gốc là 2.500.000.000 đồng. Nay bà M đồng ý trả cho ông Đ số tiền nợ vay 2.500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng chị Hà Thị Y trình bày:* Chị Y là nhân viên quản lý quán Nhà X do ông Huỳnh Nhất T làm chủ, thông qua việc quản lý quán chị biết ông Đ và bà M là bạn của ông T. Vào lúc 14 giờ ngày 20/3/2021 ông Đ đến quán Nhà X của ông T để ăn uống như thường lệ, chị là người quản lý nên quan sát bàn ăn để phục vụ khi cần thiết nên chị thấy ông Đ đưa cho ông T ký vào 01 tờ giấy A4 nhưng chị không rõ nội dung trong tờ giấy đó là gì, chị thấy ông T đọc lại nội dung trong tờ giấy và ký tên vào tờ giấy đó. Chị cũng không nhìn thấy ông Đ giao tiền hay bất cứ vật gì cho ông T và cũng như không biết việc vay tiền giữa ông T và ông Đ.

- *Người làm chứng chị Tạ Thị Minh C trình bày:* Chị C là bạn thân lâu năm của ông Đ và ông T. Vào khoảng 14 giờ ngày 20/3/2021 chị đến quán Nhà X của ông T làm chủ để ăn uống theo thường lệ. Lúc chị đến có anh N tài xế của ông Đ, ông Đ, ông T và vợ chồng chị. Chị thấy ông Đ đưa 01 tờ giấy cho ông T, chị thấy ông T ký tên vào tờ giấy này nhưng chị không biết nội dung trong tờ giấy này là gì vì chị nghĩ đây là việc riêng của hai người họ nên chị cũng không quan tâm. Chị cũng không nhìn thấy ông Đ giao tiền hay bất cứ vật gì cho ông T, chị cũng không biết việc vay tiền giữa ông Đ và ông T.

- *Người làm chứng anh Lê Minh T1 trình bày:* Trước đây anh là nhân viên của chồng bà M, sau khi chồng bà M chết anh vẫn thường xuyên phụ giúp bà M, trong quá trình làm việc cho bà M thì nhân viên của bà M là bà Đinh Kim L có nhờ anh đi chuyển khoản qua Ngân hàng cho các mối làm ăn của bà M. Vì thời gian cách đây đã lâu và chuyển tiền cho nhiều người nên anh không nhớ hết đã chuyển tiền cho ai, chuyển số tiền bao nhiêu và chuyển tiền nhằm mục đích gì. Tuy nhiên, anh xác định có chuyển tiền cho bà M đúng như lời bà M trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 370, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ.

Buộc ông Huỳnh Nhất T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền nợ vay là 4.785.000.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm, tám mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo các của đương sự.

Ngày 14/11/2022 bị đơn ông Huỳnh Nhất T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 5.350.000.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị M thống nhất trả vốn và lãi cho nguyên đơn số tiền 3.436.000.000 đồng.

Ngày 24/11/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận việc ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Mỹ c trừ số tiền 565.000.000 đồng vào số tiền mà ông Huỳnh Nhất T nợ của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông T trả cho nguyên đơn số tiền 5.350.000.000 đồng.

Ngày 25/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ, buộc bị đơn ông Huỳnh Nhất T trả cho nguyên đơn số tiền 2.500.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Anh Nguyễn Trường G đại diện hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo của ông Đ. Anh G cho rằng thông qua việc ông T giới thiệu bà M với ông Đ, nên ông Đ cho ông T vay 2.500.000.000 đồng vốn không tính lãi qua các lần ông Đ chuyển vào tài khoản bà M như sau:

Lần 1: Ngày 16/7/2018 ông Đ chuyển khoản cho bà M số tiền 1.000.000.000 đồng qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (Gọi tắt là Ngân hàng A) – Chi nhánh tỉnh V.

Lần 2: Ngày 23/7/2018 ông Đ chuyển khoản cho bà M số tiền 1.000.000.000 đồng qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (Gọi tắt là Ngân hàng A) – Chi nhánh tỉnh V.

Lần 3: Ngày 12/9/2018 ông Đ chuyển khoản cho bà M số tiền 500.000.000 đồng qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (Gọi tắt là Ngân hàng A) – Chi nhánh tỉnh V.

Ngoài ra, ông Đ cho ông T vay không tính lãi tổng số tiền 2.850.000.000 đồng, số tiền này ông Đ giao trực tiếp cho ông T nhiều lần nên ông Đ cũng không nhớ địa điểm giao tiền, cũng không nhớ số tiền mỗi lần giao cụ thể là bao nhiêu.

Đến ngày 20/3/2021 ông T có ký vào tờ biên nhận nợ giao cho ông Đ giữ. Theo tờ biên nhận ông T thừa nhận có nợ ông Đ số tiền 5.350.000.000 đồng và cam kết vào cuối tháng 4/2021 sẽ thanh toán đủ cho ông Đ, ông T ghi dòng chữ “đã nhận đủ tiền” và ký tên vào biên nhận. Tuy nhiên, đến nay ông T vẫn chưa thanh toán cho ông Đ.

+ Luật sư Hồ Tấn D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Đ buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 5.350.000.000 đồng.

+ Ông T sửa đổi kháng cáo như sau: Ông T thừa nhận có nợ ông Đ số tiền vốn 2.500.000.000 đồng là do ông T giới thiệu bà M vay tiền của ông Đ, do bà M chưa trả nên ông T thừa nhận số nợ 2.500.000.000 đồng ông Đ chuyển vào tài khoản bà M. Khấu trừ vào số tiền 565.000.000 đồng mà bà M đã chuyển khoản trả cho ông Đ. Nên ông T đồng ý trả cho ông Đ số tiền còn lại là 1.935.000.000 đồng.

+ Luật sư Tô Vĩnh H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông T được sửa đổi tại phiên tòa.

+ Bà Đỗ Thị M đồng ý khấu trừ số tiền 565.000.000 đồng bà đã chuyển khoản trả nợ cho ông Đ vào nghĩa vụ ông T phải trả nợ cho ông Đ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn bao lưu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự và Luật sư có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 12,14 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ.

Không chấp nhận kháng cáo của ông T.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ.

Sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông T trả cho ông Đ số tiền 2.500.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Đ và ông T được miễn án phí do người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ; bị đơn ông Huỳnh Nhất T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ đúng về hình thức, nội dung còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

[1] Về số tiền vốn vay: Giữa ông T và ông Đ là bạn bè làm ăn với nhau đã lâu còn bà M là bạn của ông T. Vì bà M đang gặp khó khăn nên ông T có giới thiệu cho bà M vay tiền của ông Đ, ông Đ cũng đồng ý cho bà M vay tiền với điều kiện ông T phải ký tên xác nhận ông T có nợ ông Đ và ông T cũng đồng ý.

Theo đó, ngày 16/7/2018 ông Đ chuyển vào tài khoản bà M 1.000.000.000 đồng; ngày 23/7/2018 ông Đ chuyển vào tài khoản bà M 1.000.000.000 đồng thông qua Ngân hàng TMCP Á. Ngày 16/7/2018 ông Đ yêu cầu ông T làm biên nhận nợ ông Đ 2.000.000.000 đồng. Trong biên nhận không thể hiện có lãi suất, nhưng ông T và bà M cho rằng vay của ông Đ lãi suất 4%/tháng, còn ông Đ cho rằng cho vay không có lãi. Sau khi nhận 2.000.000.000 đồng của ông Đ ngày 21/8/2018 bà M chuyển vào tài khoản ông Đ 80.000.000 đồng, tức 01 tháng sau khi nhận tiền. Ngày 20/9/2018 bà M tiếp tục chuyển vào tài khoản ông Đ 85.000.000 đồng. Đến ngày 12/9/2018 ông Đ chuyển vào tài khoản của bà M cho vay thêm 500.000.000 đồng. Đến ngày 20/9/2018 ông T làm biên nhận nợ ông Đ 500.000.000 đồng đúng theo số tiền ông Đ chuyển khoản cho bà M ngày 12/9/2018. Tính đến ngày 12/9/2018 ông Đ chuyển vào tài khoản bà M 03 lần với tổng số tiền 2.500.000.000 đồng vốn.

Sau khi bà M nhận 2.500.000.000 của ông Đ. Ngày 22/10/2018 nhân viên bà M là chị Y chuyển vào tài khoản ông Đ 100.000.000 đồng; ngày 27/11/2018 nhân viên bà M là chị Y chuyển vào tài khoản ông Đ 100.000.000 đồng; ngày 28/12/2018 nhân viên bà M là anh T1 chuyển vào tài khoản ông Đ 100.000.000 đồng; ngày 21/01/2019 nhân viên bà M là chị Y chuyển vào tài khoản ông Đ 100.000.000 đồng. Như vậy, từ ngày 21/8/2018 đến ngày 21/01/2019 bà M 06 lần chuyển vào tài khoản ông Đ tổng số tiền 565.000.000 đồng thông qua Ngân hàng Đ1 – Chi nhánh tỉnh V. Sau đó bà M ngưng không chuyển khoản trả lãi cho ông Đ. Bà M cho rằng số tiền 565.000.000 đồng là trả lãi cho số tiền vốn vay 2.500.000.000 đồng với lãi suất 4%/tháng. Còn anh G đại diện cho ông Đ thì cho rằng ông Đ làm ăn nhiều nên số tiền nhận của anh T1 và chị Y nhân viên bà M chuyển khoản 06 lần 565.000.000 đồng là tiền làm ăn chứ không phải nhận lãi của bà M là không có căn cứ vì số tiền này tương đương với lãi suất 4%/tháng của số tiền vốn 2.500.000.000 đồng ông Đ chuyển vào tài khoản của bà M.

Do bà M không tiếp tục trả lãi cho ông Đ nên ngày 09/10/2019 là 09 tháng. Ông Đ yêu cầu ông T viết biên nhận nợ ông Đ số tiền 900.000.000 đồng. Đến ngày 20/12/2020 ông Đ đánh máy biên nhận sẵn từ Cần Thơ mang qua quán Nhà X yêu ông T ký tên thể hiện số tiền nợ 4.780.000.000 đồng là tổng cộng của các số tiền (2.500.000.000 đồng vốn + 900.000.000 đồng lãi từ tháng 01/2019 đến tháng 10/2019 + 1.380.000.000 đồng lãi từ tháng 10/2019 tháng 12/2019). Do ông T làm biên nhận ngày 20/12/2020 nên ông Đ trả lại cho ông T các biên nhận ngày 16/7/2018; ngày 20/9/2018; ngày 09/10/2019; ngày 20/02/2020.

Đối với biên nhận 680.00.000 đồng ngày 20/02/2020 là số tiền lãi của các số tiền $[(2.500.000.000 \text{ đồng vốn} + 900.000.000 \text{ đồng lãi}) \times 4\%] \times 5 \text{ tháng} = 680.000.000 \text{ đồng}$. Do đó biên nhận ngày 20/12/2020 thể hiện số tiền nợ 4.780.000.000 đồng đã có bao gồm trong số tiền lãi theo biên nhận này.

Đến ngày 20/3/2021 ông T chưa trả được nợ, nên ông Đ đánh máy sẵn biên nhận từ Cần Thơ mang qua quán Nhà X yêu cầu ông T ký tên với số tiền vốn và lãi cộng chung là 5.350.000.000 đồng. Đây là số tiền vốn và lãi chồng lãi được tính như sau: $[(4.780.000.000 \text{ đồng} \times 4\%) \times 03 \text{ tháng (Từ ngày 20/12/2020 đến ngày 20/3/2021)}] + 4.780.000.000 \text{ đồng} = 5.353.600.000 \text{ đồng}$. Ông Đ là bên đánh máy biên nhận nên chủ động làm tròn số 5.350.000.000 đồng.

Do đó có căn cứ xác định tổng số tiền vốn ông T vay của ông Đ thông qua việc ông Đ chuyển tiền cho bà M 03 lần là 2.500.000.000 đồng vốn. Nên ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ 2.500.000.000 đồng vốn.

Tại Vi bằng ngày 05/10/2021 Thừa phát lại Trần Kỳ T2 lập theo yêu cầu của ông Đ từ (Bút lục 33-51) không có đoạn nào thể hiện ông T thừa nhận nợ ông Đ số tiền vốn 5.350.000.000 đồng.

[2] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ông Đ yêu cầu ông T trả số tiền 5.350.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi đã bao trùm việc ông Đ trả lãi suất 4%/tháng bằng 48%/năm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía ông Đ xác định cho ông T vay không tính lãi, còn ông T cho rằng ông vay tiền của ông Đ và yêu cầu ông Đ chuyển vào tài khoản của bà M có lãi suất 4%/tháng. Do giữa ông Đ và ông T có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính mức lãi suất ông T phải trả cho ông Đ là 0,83%/tháng. Số tiền lãi được tính như sau: 1.000.000.000 đồng ông Đ chuyển vào tài khoản bà M nhận ngày 16/7/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 51 tháng 25 ngày $(1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) \times 51 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 430.216.662 \text{ đồng}$; 1.000.000.000 đồng ông Đ chuyển vào tài khoản bà M nhận ngày 23/7/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 51 tháng 17 ngày $(1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) \times 51 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 428.003.330 \text{ đồng}$; 500.000.000 đồng ông Đ chuyển vào tài khoản bà M nhận ngày 12/9/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 51 tháng 25 ngày $(500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) \times 49 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 207.361.657 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền lãi là 1.065.581.649 đồng làm tròn số 1.065.581.600 đồng khấu trừ vào 565.000.000 đồng bà M đã chuyển khoản trả lãi cho ông Đ. Nên số tiền lãi ông T còn phải trả cho ông Đ là 500.581.600 đồng.

[3] Tổng cộng vốn và lãi ông T có nghĩa vụ trả cho ông Đ là 2.500.000.000 đồng vốn + 500.581.600 đồng lãi = 3.000.581.600 đồng.

[4] Từ các nhận định trên. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ; chấp nhận một phần kháng cáo của ông T; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông Đ tổng cộng vốn và lãi là 2.500.000.000 đồng vốn + 500.581.600 đồng lãi = 3.000.581.600 đồng (Ba tỷ, không trăm triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tiền án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau.

Ông Đ có nghĩa vụ nộp $[72.000.000 \text{ đồng} + (349.418.400 \text{ đồng} \times 2\%)] = 78.988.368 \text{ đồng}$. Nhưng ông Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí, nên miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Đ. Hoàn trả cho ông Đ 69.500.000 đồng (Sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006747 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Ông T có nghĩa vụ nộp $[72.000.000 \text{ đồng} + (1.000.581.600 \text{ đồng} \times 2\%)] = 92.011.632 \text{ đồng}$. Nhưng ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí, nên miễn toàn bộ tiền án phí cho ông T.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên đương sự có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Huỳnh Nhất T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004467 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Nhất T.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ.

Buộc ông Huỳnh Nhất T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc Đ tổng cộng số tiền vốn và lãi là 3.000.581.600 đồng (Ba tỷ, không trăm triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm đồng), (Trong đó có 2.500.000.000 đồng vốn và 500.581.600 đồng lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ. Hoàn trả cho ông Đ 69.500.000 đồng (Sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006747 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Huỳnh Nhất T.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên đương sự có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn Huỳnh Nhất T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004467 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL:01b;
- TAND huyện Long Hồ: 01b;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường